BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MẪU

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG *(General information):*

- Tên học phần (*tiếng Việt*)	: **Quản Trị Tài Chính**
- Tên học phần (*tiếng Anh*)	: **Financial Management**
- Mã học phần	: DM3018
- Trình độ	: Đại học
- Loại học phần	X Bắt buộc □ Tự chọn
- Thuộc thành phần	□ Kiến thức giáo dục đại cương □ Kiến thức cơ sở khối ngành X Kiến thức cơ sở ngành □ Kiến thức ngành / chuyên ngành □ Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách	: Kinh Tế Quản Trị, Quản trị Kinh doanh
- Số tín chỉ *(Lý thuyết, thực hành)*	: 3 (3, 0)
- Phân bổ thời gian	- Lý thuyết: 45 giờ; Tự học, thảo luận nhóm: 105 giờ - Thực hành: … giờ; Tự học, thảo luận nhóm: … giờ
- Học phần tiên quyết	: Quản trị học, Thương mại điện tử
- Học phần học trước	: Không
- Học phần song hành	: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description):

Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng và mục tiêu của quản trị tài chính, các công cụ phân tích tài chính, cách lập dự toán tài chính, giá trị tiền tệ theo thời gian, đầu tư dài hạn, quản lý các nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

(*Xác định các mục tiêu chung của học phần, gồm các mục tiêu về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm*)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	**Mục tiêu học phần**
Kiến thức	
O1	Hiểu được quản trị tài chính là gì. Xác định được các mục tiêu và nhiệm vụ của quản trị tài chính.
O2	Hiểu mục tiêu của phân tích tài chính, và nhận biết các công cụ dùng để phân tích tài chính. Phân biệt được các loại báo cáo tài chính và biết cách phân tích các tỷ số tài chính.
Kỹ năng	
O3	Có khả năng lập được kế hoạch tài chính và phân tích cơ cấu vốn, điểm hòa vốn trong các doanh nghiệp. phân biệt được các loại lãi suất và từ đó tính được giá trị tương lai, giá trị hiện tại của một khoản đầu tư. Biết cách đánh giá các dự án đầu tư theo các phương pháp khác nhau. Xác định được các nguồn tiền mặt, các khoản phải thu và hàng tồn kho luôn luôn hợp lý trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O4	Có thái độ tích cực, chủ động trong tìm hiểu kiến thức chuyên ngành có liên quan và tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN *(Course learning outcomes - CLOs)*

(*Cụ thể hóa mục tiêu cụ thể, gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm*)

Ox	**CLOx**	**PLOx**
Kiến thức		

O1, O2	CLO1, Giải thích được khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của quản trị tài chính. CLO2, Phân biệt được các loại báo cáo tài chính và biết cách phân tích các tỷ số tài chính.	PLO2
Kỹ năng		
O3	CLO3: Phân tích được cơ cấu vốn, xác định điểm hòa vốn, tính các loại lãi suất. CLO3: Biết cách đánh giá các loại dự án đầu tư. Xác định các nguồn vốn lưu động trong doanh nghiệp.	PLO9, PLO10
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O4	CLO4, Có thái độ tích cực, chủ động trong tìm hiểu kiến thức chuyên ngành có liên quan và tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học.	PLO12

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

(có thể theo bài giảng hoặc theo chương nhưng bài giảng tốt hơn)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	**Nội dung** *(Tên bài giảng)*	**Số giờ**				**TỔNG**
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Bài tập, tiểu luận	
Bài 1	**Giới thiệu về quản trị tài chính** Khái niệm quản trị tài chính. Mục tiêu của quản trị tài chính. Nhiệm vụ của quản trị tài chính.	5	5	5	5	20
Bài 2	**Phân tích tài chính** Khái niệm, mục tiêu của phân tích tài chính. Báo cáo tài chính. Phân tích các tỷ số tài chính.	10	5	10		20
Bài 3	**Kế hoạch tài chính – Cơ cấu vốn** Kế hoạch tài chính. Cơ cấu vốn của doanh nghiệp.	5	5	5	5	20
Bài 4	**Giá trị của tiền tệ theo thời gian** Lãi suất. Gía trị tương lai của một số tiền hiện tại. Giá trị hiện tại của một số tiền tương lai. Giá trị tương lai của chuỗi tiền tệ đều. Giá trị hiện tại của chuỗi tiền tệ đều.	5	5	5	5	20

Bài 5	**Đầu tư dài hạn** Khái niệm và phân loại. Đánh giá các dự án đầu tư.	5	5	5	5	20
Bài 6	Các nhóm tiến hành thuyết trình bài tập nhóm	10			10	20
Bài 7	**Quản trị vốn lưu động** Khái niệm và phân loại. Quản trị tiền mặt và chứng khoán. Quản trị khoản phải thu. Quản trị hàng tồn kho.	5	5	5		15
Bài 8	**Tổng kết và tóm tắt môn học** **Giải đáp câu hỏi**	5	5	5		15
TỔNG		**45**	35	40	30	**150**

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành:

Số TT	**Nội dung** *(Tên bài giảng)*	**Số giờ**				**TỔNG**
		…	…	…	…	
Bài 1						
Bài 2						
Bài 3						
TỔNG						

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC *(Teaching – Learning methods):*

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: GV trình bày và giải thích các khái niệm và qui trình thực hiện

- Thực hành:

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: GV và SV thảo luận. SV thuyết trình. SV làm bài tập nhóm

- Thực hành:

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO *(Learning materials)*

7.1. Tài liệu dạy học: *chỉ có 1 tài liệu – bắt buộc bằng tiếng Việt*

[1] Nguyễn Tấn Bình (2022). *Quản Trị Tài Chính.* NXB Tài chính.

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo: *từ 3-5 tài liệu, một số học phần có thể có 7 tài liệu, (cả tiếng Việt và tiếng Anh)*

[1] Denzil Watson, Antony Head (2019). *Corporate Finance: Principles and Practice*. NXB Pearson.

[2] Glen Arnold, Deborah Lewis (2019). *Corporate Financial Management.* NXB Pearson.

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

[1] Máy chiếu, Mic, Viết và bảng

[2] Laptop, Slides

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ *(Testing and assessment methods)*

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá "Đạt" và không tính điểm trung bình học tập)	*Từ 5,0 trở lên*	*P*	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Điểm danh, ý thức học	*Chấm bài tập*	*Rubic 1*	*10%*
Câu hỏi ngắn trong lớp	*Trả lời hiểu*	*Rubic 2*	*10%*
Bài KT giữa kỳ	*Có nộp và làm bài*	*Rubic 2*	*10%*
Hoàn thành bài tập theo nhóm	*Có tham gia nhóm*	*Rubic 2*	*10%*
Kết quả thi cuối kỳ	*Điểm chấm bài*	*Rubic 3*	*60%*

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	*Chuyên cần*	*Điểm danh, ý thức học tập*	*Rubic 1*	*10%*
	Kiểm tra thường xuyên	*Trắc nghiệm*	*Rubic 2*	*30%*
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
Kết thúc học phần	*Thi*	*Trắc nghiệm*	*Rubic 3*	*60%*

*(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - **Khối ngoài Sức khỏe 60%)***

9. **MA TRẬN *(Matrix)*:**

❖ **Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** *(nên có ma trận này)*

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1		H										
CLO2		H										
CLO3									S	S		
CLO4												S

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra — Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra — Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra — Highly supported

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

10. **RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ *(Scoring guide/Rubric)*:**

❖ ***Rubic 1: Đánh giá chuyên cần, ý thức học tập***

Tiêu chí đánh giá	Mức A (8,5 – 10)	Mức B (7 – 8,4)	Mức C (5,5 – 6,9)	Mức D (4 – 5,4)	Mức F (< 4,0)
Điểm danh QR code	Nghỉ học có phép 0% - 10% số tiết	Nghỉ học có phép > 10% - 20% số tiết	Nghỉ học không phép 0% - 10% số tiết	Nghỉ học không phép > 10% - 20% số tiết	Nghỉ học > 20%; **Cấm thi**

Trả lời câu hỏi thảo luận trên lớp	Xung phong trả lời chính xác > 5 lần	Xung phong trả lời chính xác 4 – 5 lần	Xung phong trả lời chính xác 3 – 4 lần	Thụ động trong lớp, trả lời chính xác 1 – 2 lần	Thụ động trong lớp, không trả lời chính xác câu nào

❖ ***Rubic 2: Đánh giá báo cáo và thuyết trình nhóm***

Tiêu chí đánh giá	**Mức A (8,5 – 10)**	**Mức B (7 – 8,4)**	**Mức C (5,5 – 6,9)**	**Mức D (4 – 5,4)**	**Mức F (< 4,0)**
Báo cáo (50%)	Đáp ứng 90% - 100% các tiêu chí sau: - Nộp bài đúng thời hạn và đúng yêu cầu. - Nội dung đầy đủ, đúng với yêu cầu. - Cấu trúc trình bày rõ ràng, mạch lạc, có mở bài, thân bài, kết luận. - Có phân tích, đánh giá vấn đề, có so sánh, đối chiếu để xây dựng giải pháp cho vấn đề. - Hình ảnh minh hoạ đẹp, rõ ràng. - Có tài liệu tham khảo phong phú, khoa học. - Không vi phạm đạo văn.	Mức độ đáp ứng các tiêu chí 80% - < 90%.	Mức độ đáp ứng các tiêu chí 70% - < 80%.	Mức độ đáp ứng các tiêu chí 50% - < 70%.	Không hoàn thành đúng thời gian và yêu cầu của bài tập nhóm.

Thuyết trình (50%)	Đáp ứng 90% - 100% các tiêu chí sau: - Nhóm tham gia thuyết trình đầy đủ, đúng thời gian theo yêu cầu. - Bố cục bài thuyết trình rõ ràng, mạch lạc. - Chữ và hình ảnh to rõ, nổi bật. - Thuyết trình rõ ràng, súc tích, mạch lạc. - Có tương tác với khán giả. - Trả lời câu hỏi thảo luận.	Mức độ đáp ứng các tiêu chí 80% - < 90%.	Mức độ đáp ứng các tiêu chí 70% - < 80%.	Mức độ đáp ứng các tiêu chí 50% - < 70%.	Không hoàn thành đúng thời gian và yêu cầu của bài tập nhóm.

❖ ***Rubic 3: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ***

Tiêu chí đánh giá	**Mức A (8,5 – 10)**	**Mức B (7 – 8,4)**	**Mức C (5,5 – 6,9)**	**Mức D (4 – 5,4)**	**Mức F (< 4,0)**
Số câu đúng	60% - 100%	49% - < 60%	40% - < 49%	28% - < 40%	< 28%

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG *(Student support)*

- *Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.*
- *Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ ……. hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ …… hàng tuần tại Văn phòng khoa …*

TP. HCM, ngày 08 tháng 06 năm 2022

Trưởng Khoa **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*